TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2026/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 3 năm 2026
V/v *tranh chấp xin ly hôn, nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU - TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Yến Nhi
Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Tuấn Kiệt
Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 10/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15A/2026/QĐXX-ST ngày 27 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lý Quanh Đa R**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Khóm B, phường H, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà **Trần Thị Phượng L**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Khóm B, phường H, tỉnh Cà Mau.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ kiện ông Lý Quanh Đ Ra là nguyên đơn trong vụ án trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Phượng L tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2006, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường H, tỉnh Cà Mau) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/12/2007. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường hay xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn hiện nay đã trầm trọng nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn

nữa vợ chồng ông đã sống ly thân từ khoảng 03 tháng nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông xin ly hôn với bà Trần Thị Phượng L.

- Về con chung: Quá trình sống chung có 02 người con chung tên Lý Thị Thúy L1, sinh ngày 24/5/2008 và cháu Lý Thị Thùy N, sinh ngày 06/01/2010. Nay ly hôn ông yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con (Hiện 02 con chung đang sống cùng ông).

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Bị đơn bà Trần Thị P Liên vắng mặt nên không có lời trình bày:*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau biểu quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt tố tụng Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, ông R và bà L chung sống có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng ông R và bà L đã mâu thuẫn không thể hàn gắn được và vợ chồng ông bà đã ly thân khoảng 03 tháng nay nên việc ông R yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Về con chung: Giao 02 cháu Lý Thị Thúy L1, sinh ngày 24/5/2008 và cháu Lý Thị Thùy N, sinh ngày 06/01/2010 cho ông R tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (Hiện nay 02 con chung đang sống cùng ông R). Về cấp dưỡng: Ông R không yêu cầu nên không đặt xem xét giải quyết tại phiên tòa hôm nay. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Lý Quanh Đ Ra khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là bà Trần Thị Phượng L nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là bà L hiện đang cư trú tại phường H, tỉnh Cà Mau nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Xét quan hệ hôn nhân: Ông Lý Quanh Đa R và bà Trần Thị Phượng L tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2006, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên quan hệ hôn nhân của ông R và bà L là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Ông R xác định giữa hai vợ chồng ông có xảy ra mâu thuẫn khoảng 03 tháng nay. Nguyên nhân phát

sinh mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống và thường xuyên xảy ra cãi vã do không có tiếng nói chung. Hơn nữa vợ chồng ông bà đã sống ly thânkhoảng 03 tháng nay. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng thì phải có nghĩa vụ chăm sóc, yêu thương, giúp đỡ nhau nhưng ông R và bà L không có sự chăm sóc, thương yêu nhau mà bỏ mặc nhau 03 tháng nay. Do đó, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lý Quanh Đa R.

[3] Về con chung: Quá trình sống chung có 02 người con chung tên Lý Thị Thúy L1, sinh ngày 24/5/2008 và cháu Lý Thị Thùy N, sinh ngày 06/01/2010. Nay ly hôn ông R yêu cầu tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung và cháu N, cháu L1 có nguyện vọng sống cùng cha nên có cơ sở giao cháu N, cháu L1 cho ông R tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (Hiện 02 con chung đang sống cùng ông R). Bà L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng: Ông R không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Ông R yêu cầu ly hôn với bà L nên ông R phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng.

[8] Như đã phân tích ở trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Căn cứ vào Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về hôn nhân: Xử cho ông Lý Quanh Đ Ra được ly hôn với bà Trần Thị Phượng L.

2/. Về con chung: Giao cháu Lý Thị Thúy L1, sinh ngày 24/5/2008 và cháu Lý Thị Thùy N, sinh ngày 06/01/2010 cho ông Lý Quanh Đ Ra tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (Hiện nay cháu N và cháu L1 đang sống chung cùng ông R). Bà L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3/. Về cấp dưỡng: Ông R không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

5/. Về nợ chung: Không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6/. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Lý Quanh Đ Ra phải nộp 300.000 đồng. Ông R đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000285 ngày 09 tháng 01 năm 2026 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – Cà Mau được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Yến Nhi